

UBND XÃ HÙNG AN
TRƯỜNG MN TIỀN KIỀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/KH-MNTK

Hùng An, ngày 10 tháng 9 năm 2025

PHÊ DUYỆT CỦA UBND XÃ

Hùng An, ngày 25/09/2025



Nguyễn Mạnh Thắng

KẾ HOẠCH

**Dự toán thu-chi các khoản dịch vụ, phục vụ hỗ trợ
hoạt động giáo dục năm học 2025-2026**

Căn cứ Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về Quy định mức thu, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Hướng dẫn số 1767/HD-UBND ngày 25/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về Quy định mức thu, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Căn cứ Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Thực hiện công văn số:589/SGDDĐT-KHTC của sở giáo dục Tuyên Quang V/v thực hiện công tác quản lý thu, chi năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Thực hiện công văn Số: 220/UBND-VHXX của UBND xã Hùng An V/v thực hiện công tác quản lý thu, chi năm học 2025-2026;

Căn cứ vào tình hình điều kiện thực tế của địa phương và đơn vị.

Trường Mầm non Tiên Kiều xây dựng Kế hoạch dự toán thu-chi các khoản dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 với nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Quy mô trường, lớp

Trường Mầm non Tiên Kiều đặt trên địa bàn xã Hùng An, xây dựng hệ thống phát triển kinh tế, xã hội, được đầu tư về CSVC, trong đó có các trường học trên địa bàn.

Nhân dân đa phần người dân là người dân tộc thiểu số, chủ yếu là dân tộc Tày, Dao và các dân tộc khác như: dân tộc Kinh, Nùng, Cờ Lao, Cao Lan, Pà Thẻn, chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp, trồng cây rừng, cây cam. Trường mầm non Tiên Kiều năm học 2025-2026 có 4 điểm trường, khoảng cách từ trường chính đến các điểm trường từ 3-5km, khoảng cách giữa các điểm trường khoảng 4-7 km.

Tính đến thời điểm tháng 9/2025, nhà trường có tổng số 13 nhóm, lớp/278 học sinh Trong đó:

- + Nhà trẻ: 04 nhóm với tổng số 54 cháu.
- + Mẫu giáo: 09 lớp với tổng số cháu: 224 trẻ
- + Riêng trẻ 5 tuổi: 05 lớp với tổng số 95 trẻ.

Các nhóm lớp tại điểm chính đều được chia theo đúng độ tuổi, các nhóm, lớp ở điểm trường 100% học ghép 2-3 độ tuổi; 100% các nhóm lớp đều học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường.

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường

Trường Mầm non Tiên Kiều có tổng diện tích đất sử dụng là 9.720,1m². Nhà trường có 01 trường chính và 03 điểm trường lẻ. Cảnh quan môi trường khang trang, đảm bảo tiêu chí xanh, sạch, đẹp và an toàn.

Năm học 2025-2026, nhà trường có tổng số 13 phòng học (06 phòng kiên cố; 7 phòng bán kiên cố, không có phòng học nhờ, học tạm). Các phòng học đa số được xây dựng đúng quy cách, đảm bảo an toàn cho trẻ; có các phòng chức năng và các khối phòng hành chính quản trị đầy đủ.

Công trình vệ sinh, công trình phụ trợ đầy đủ theo quy định. Sân trường có cây xanh bóng mát, khu phát triển vận động, có vườn hoa, cây cảnh, các khu vui chơi trải nghiệm ngoài trời cho trẻ.

3. Đánh giá chung

3.1. Thuận lợi

- Nhà trường thường xuyên nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Phòng Giáo dục và Đào tạo và Cấp ủy, chính quyền địa phương.

- Tập thể trường có bề dày thành tích, nhiều năm liên tục được công nhận đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”; Chi bộ và Công đoàn hàng năm đều được phân loại đạt vững mạnh xuất sắc. Các tổ chức khác trong nhà trường làm tốt công tác phối hợp, góp phần xây dựng và phát triển nhà trường.

- Đội ngũ giáo viên và nhân viên có tinh thần trách nhiệm trong công việc. 100% Viên chức quản lý, giáo viên và nhân viên biết ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy. 100% giáo viên biên chế đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

- Phụ huynh học sinh đa số nâng cao về nhận thức về giáo dục mầm non luôn ủng hộ nhiệt tình, tích cực tham gia công tác XHHGD, phục vụ các hoạt động học tập và chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

- Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt chỉ tiêu kế hoạch duyệt. Trẻ ngoan, sạch sẽ, có nề nếp trong học tập, đi học đều, tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt 95% trở lên.

3.2. Khó khăn

Nguồn kinh phí từ ngân sách do Nhà nước cấp hàng năm rất hạn hẹp. không đáp ứng nhu cầu thực tế của nhà trường như: Nguồn ngân sách trả lương hợp đồng thuê cô nuôi; CBGV, NV không được hưởng chế độ hỗ trợ làm việc kiêm nhiệm ngoài giờ hành chính (quản lý bán trú, trực trưa, vệ sinh trường, lớp,...); trang thiết bị bếp ăn bán trú hàng năm đều phải mua sắm bổ sung thay thế đồ dùng cũ, hỏng; bảo dưỡng hệ động điện vận hành, máy móc phục vụ hoạt động học tập, sinh hoạt của trẻ hàng ngày; tổ chức giao lưu, trải nghiệm, tổ chức ngày lễ hội, giáo dục văn hóa truyền thống địa phương và kỹ năng sống cho trẻ,...

Còn nhiều phụ huynh chưa đăng ký cho trẻ ăn bán trú tại trường, vì gia đình chưa có điều kiện tham gia dịch vụ, đa số gia đình còn khó khăn về kinh tế.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Huy động nguồn kinh phí hỗ trợ từ phụ huynh thông qua việc vận động phụ huynh học sinh tham gia các dịch vụ hỗ trợ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Xây dựng tốt mối quan hệ giữa nhà trường và phụ huynh học sinh; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của phụ huynh tích cực tham gia vào các hoạt động

của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng CS-GD toàn diện, đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển giáo dục hiện nay.

2. Yêu cầu

- Nhà trường có biện pháp miễn, giảm đối với học sinh thuộc các đối tượng theo quy định. Nhà trường đảm bảo các điều kiện thực hiện nhiệm vụ CS-GD trẻ và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 2025-2026.

- Thực hiện nghiêm túc văn bản Hướng dẫn số 1767/HD-UBND ngày 25/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh. Nhà trường đảm bảo thực hiện theo đúng quy trình, đúng nguyên tắc; việc thực hiện các khoản thu phải tiết kiệm, hiệu quả; đảm bảo tính công khai, minh bạch; trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện; thực hiện thu đúng, thu đủ, chi đúng mục đích.

III. NỘI DUNG DỰ TOÁN

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	DỊCH VỤ TUYỂN SINH			
	Số học sinh <i>(không tính học sinh hưởng chế độ)</i>	Học sinh	57	
	Mức thu	đồng/hs	40.000	
	Tổng số tiền thu theo kế hoạch	đồng	2.280.000	
	Tổng số tiền dự kiến chi theo kế hoạch	đồng	2.280.000	
	<i>Trích 15% lên phòng giáo dục</i>	đồng	342.000	
	<i>Chi hội đồng tuyển sinh</i>	đồng	1.938.000	
II	DỊCH VỤ PHỤC VỤ			
1	Tiền ăn			
	Số học sinh <i>(không tính học sinh hưởng chế độ)</i>	Học sinh	200	
	Mức thu	đồng/ngày/hs	15.000	
	Số ngày/ tháng	Ngày	21	
	Tổng số tiền dự kiến thu cả tháng theo kế hoạch	đồng	63.000.000	

	Bình quân 21 ngày 1 tháng)			
	Tổng số tiền dự kiến chi cả tháng theo kế hoạch	đồng	63.000.000	
	- Chi ăn 2 bữa/ngày bao gồm thực phẩm, gia vị, chất đốt	đồng	63.000.000	
2	Tiền thuê cấp dưỡng			
	Số học sinh (không tính học sinh hưởng chế độ)	Học sinh	200	
	Mức thu	đồng/tháng/hs	80.000	
	Số tháng	Tháng	1	
	Tổng số tiền dự kiến thu cả tháng theo kế hoạch	đồng	16.000.000	
	Tổng số tiền dự kiến chi cả tháng theo kế hoạch	đồng	16.000.000	
	Chi trả công thuê người nấu (80%)	đồng	12.800.000	
	Chi Công tác quản lý, phục vụ(20%)	đồng	3.200.000	
3	Tiền trực trưa			
	Số học sinh (không tính học sinh hưởng chế độ)	Học sinh	200	
	Mức thu	đồng/ngày/hs	5.000	
	Số tháng	Tháng	9	
	Tổng số tiền thu cả tháng theo kế hoạch	đồng	21.000.000	
	Tổng số tiền chi cả tháng theo kế hoạch	đồng	21.000.000	
	Chi người trực tiếp chăm sóc học sinh(70%)	đồng	14.700.000	
	Chi Công tác quản lý, phục vụ (10%), bảo trì cơ sở vật chất(10%) và nguồn tăng thu nhập (10%)	đồng	6.300.000	
4	Tiền mua sắm bổ sung			

	đồ dùng bán trú			
	Số học sinh (<i>không tính học sinh hưởng chế độ</i>)	Học sinh	200	
	Mức thu	đồng/năm/hs	100.000đ - 150.000đ	
	Tổng số tiền dự kiến thu cả năm theo kế hoạch	đồng	22.850.000	
	Tổng số tiền dự kiến chi cả năm theo kế hoạch	đồng	22.850.000	
5	Tiền vệ sinh trường học			
	Số học sinh (<i>không tính học sinh hưởng chế độ</i>)	Học sinh	250	
	Mức thu	đồng/tháng/hs	10.000	
	Tổng số tiền dự kiến thu cả năm theo kế hoạch	đồng	2.500.000	
	Tổng số tiền dự kiến chi cả năm theo kế hoạch	đồng	2.500.000	
	<i>Chi trả công thuê người vệ sinh</i>	<i>đồng</i>	<i>2.000.000</i>	
	<i>Chi mua sắm các vật tư, thiết bị phục vụ công tác vệ sinh</i>	<i>đồng</i>	<i>500.000</i>	
6	Tiền nước uống			
	Số học sinh (<i>không tính học sinh hưởng chế độ</i>)	Học sinh	250	
	Mức thu	đồng/tháng /hs	4.000	
	Tổng số tiền dự kiến thu cả năm theo kế hoạch	đồng	9.000.000	
	Tổng số tiền dự kiến chi cả năm theo kế hoạch	đồng	9.000.000	
	<i>Chi sắm trang thiết bị phục vụ, công tác bảo dưỡng sửa chữa trang thiết bị</i>	<i>đồng</i>	<i>9.000.000</i>	
7	Điện Vận Hành			
	Số học sinh (<i>không tính học sinh hưởng chế độ</i>)	Học sinh	250	

	Mức thu	đồng/năm /hs	50.000	
	Tổng số tiền thu cả năm theo kế hoạch	đồng	12.500.000	
	Tổng số tiền chi cả năm theo kế hoạch	đồng	12.500.000	
	<i>Chi sắm trang thiết bị điện và sửa chữa trang thiết bị</i>	đồng	12.500.000	
8	Tham gia các hoạt động trải nghiệm (theo từng buổi/đợt)	Thu- Chi theo theo tình hình thực tế trên cơ sở thỏa thuận thống nhất với cha mẹ học sinh (buổi/đợt tổ chức)		

III. CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM

1. Các dịch vụ miễn, giảm

- Dịch vụ tuyển sinh
- Dịch vụ vệ sinh
- Dịch vụ điện vận hành
- Dịch vụ nước uống
- Dịch vụ đồ dùng bán trú

2. Đối tượng miễn, giảm

- Thực hiện miễn, giảm theo quy định, gồm các đối tượng chính sách: Trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo; trẻ em có hộ khẩu ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; trẻ em mồ côi (cha, mẹ); trẻ em bị khuyết tật tàn tật, trẻ em dân tộc rất ít người.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với nhà trường

- Tổ chức họp Hội đồng trường xét, thảo luận, thống nhất, dự thảo kế hoạch dự toán thu- chi các khoản dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026.
- Thông báo bằng văn bản tới phụ huynh học sinh.
- Tổ chức họp với cha mẹ học sinh, triển khai, thông báo và thống nhất các nội dung thực hiện.
- Lập tờ trình đề nghị UBND xã xem xét phê duyệt kế hoạch

- Niêm yết công khai mức thu, đối tượng thu; dự toán thu, chi được duyệt; sử dụng và quyết toán tài chính theo đúng các quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về các khoản thu theo quy định của đơn vị

- Không điều chuyển từ khoản thu này sang khoản thu khác hoặc chi cho nội dung, mục đích khác; kết thúc năm học còn dư kinh phí, chuyển sang năm học sau tiếp tục thực hiện; riêng học sinh 5 tuổi, thực hiện hoàn trả cho cha mẹ học sinh.

- Có giải pháp hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế để học sinh được tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Báo cáo đánh giá việc thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đúng thời gian quy định (trước 20/10).

2. Đối với giáo viên

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh tham gia các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng CS-GD trẻ.

- Hướng dẫn phụ huynh làm phiếu đề xuất tham gia dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Thực hiện thu- chi theo đúng quy định.

3. Đối với cha mẹ học sinh

Tham gia cuộc họp để thống nhất nội dung thực hiện; làm phiếu đề xuất tham gia dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường; thực hiện nộp các khoản dịch vụ theo kế hoạch của nhà trường

Trên đây là Kế hoạch Dự toán thu-chi các khoản dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 của trường Mầm non Tiên Kiều./.

Nơi nhận:

- UBND xã Hùng An (Phê duyệt);
- Hội đồng đề xuất DVHT;
- Ban ĐDCM học sinh;
- GV nhóm, lớp;
- Lưu HS.

HIỆU TRƯỞNG



Trương Thị Tuyền